**NHÓM 1**

**Ba Đình – Mê Linh – Thanh Oai**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**BỘ CÁCH KẾT NỐI VỚI TRI THỨC CUỘC SỐNG**

**CHỦ ĐỀ 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

- Biết tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án, bài giảng Powerpoint, máy tính, tranh ảnh minh họa về tác giả, tác phẩm.

Máy chiếu, máy tính, bảng phụ.

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Quang Thiều và văn bản “Bầy chim chìa vôi”.

- Các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 1 + 2 + 3:**

**ĐỌC**

**VĂN BẢN 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Giúp HS:

- Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS;

- Kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung của văn bản.

***b. Nội dung:*** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Giao nhiệm vụ học tập***  - GV nêu nhiệm vụ: *Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ mà em nhớ mãi. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.* | Những chia sẻ trải nghiệm của HS |
| ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  - Lưu ý, nếu không nhớ trải nghiệm tuổi thơ thì có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua. |
| ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  - 3 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.  - GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật. |
| ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV có thể chia sẻ cùng HS về trải nghiệm tuổi thơ của chính mình, kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Bầy chim chìa vôi” ở nhà, em có biết Mên và Mon có trải nghiệm tuổi thơ đáng nhớ nào không? Em có thích trải nghiệm đó không? Vì sao?*  - GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***NV 1: GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ BÀI HỌC***

***a. Mục tiêu***

- Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

- Xác định được nhiệm vụ học tập của phần *Đọc*.

- Tạo hứng thú với chủ đề *“Bầu trời tuổi thơ”*.

***b. Nội dung***

- HS đọc SGK, suy nghĩ để hoàn thành các câu hỏi, từ đó nắm được nội dung khái quát của bài học và thể loại chính sẽ được tìm hiểu.

***c. Sản phẩm***

- Thái độ của HS tham gia hoạt động học tập.

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần *Đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***HĐ1: Kích hoạt kiến thức nền về chủ điểm bài học; xác định chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học*** | ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***  - NV1: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Tên bài học và lời đề từ của bài gợi cho con suy nghĩ gì?*  - NV2: GV yêu cầu HS nghe giới thiệu về chủ điểm, thể loại; theo dõi phần *“Giới thiệu bài học”* (SGK/ tr. 9) và ghi tóm tắt các nội dung vào vở. | **A. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  - Chủ đề: Bầu trời tuổi thơ  - Thể loại: Truyện ngắn |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS thực hiện nhiệm vụ 1, 2 (cá nhân) |
| ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - NV1: 3 – 4 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) |
| ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Đối với NV1: GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Đối với NV2: GV hướng dẫn HS chốt lại tên chủ đề (*Bầu trời tuổi thơ*), thể loại chính (*truyện*) |
| ***HĐ2: Xác định nhiệm vụ học tập của phần Đọc*** | ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS quan sát nội dung phần *Đọc* trong SGK/ tr. 10 – 17 và trả lời câu hỏi: *Nhiệm vụ học tập chính của các con về Đọc ở bài học này là gì?* |  |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân) |
| ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - 1 – 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) |
| ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV hướng dẫn HS tóm tắt nhiệm vụ học tập của phần Đọc: đọc VB 1 *“Bầy chim chìa vôi”* (Nguyễn Quang Thiều) và VB 2 *“Đi lấy mật”* (Đoàn Giỏi) để hình thành kĩ năng đọc truyện, đọc VB 3 *“Ngàn sao làm việc”* (Võ Quảng) để tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học, đọc VB 4 *“Ngôi nhà trên cây”* (Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô) để thực hành kĩ năng đọc truyện. |

***NV 2: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN***

***a. Mục tiêu***

- Kích hoạt được kiến thức nền về thể loại truyện.

- Nhận biết được những đặc điểm của thể loại truyện: đề tài và chi tiết, tính cách nhân vật.

***b. Nội dung***

- HS đọc SGK, suy nghĩ để hoàn thành các câu hỏi trong phiếu bài tập, từ đó nắm được kiến thức về đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật.

***c. Sản phẩm***

- Phiếu bài tập Tìm hiểu tri thức Ngữ văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***  - NV1: GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức Ngữ văn và điền vào chỗ trống những từ khóa quan trọng.  - NV2: GV yêu cầu HS vận dụng tri thức ngữ văn đã tìm hiểu để trả lời các câu hỏi về một tác phẩm truyện đã học:  *+ Truyện “Gió lạnh đầu mùa” viết về đề tài gì? Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy?*  *+ Ai là nhân vật chính? Nêu cảm nhận của em về tính cách nhân vật chính.*  *+ Nhắc lại một chi tiết trong truyện mà em nhớ nhất. Chia sẻ với các bạn vì sao em nhớ nhất chi tiết đó.* | **B. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  Trình bày được đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật trong truyện qua phiếu BT điền vào chỗ trống và câu trả lời. |
| ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm.  - GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp. |
| ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Các nhóm khác nhận xét. |
| ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhấn mạnh lại các khái niệm về đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật và lưu ý HS về vai trò của “Tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB. |

***NV 3: ĐỌC VĂN BẢN – TÌM HIỂU CHUNG***

***a. Mục tiêu:*** HS biết cách đọc văn bản và nêu được nét khái quát về tác giả, tác phẩm.

***b. Nội dung:*** HS đọc VB, vận dụng “Tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS dựa vào SGK, trình bày ngắn gọn những nét cơ bản về nhà văn Nguyễn Quang Thiều.  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS đọc SGK, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức  ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của Mên và Mon (đặc biệt là giọng điệu lo lắng của Mon và Mên).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” viết về đề tài gì?  ? Văn bản được trích dẫn từ tập truyện nào của nhà văn Nguyễn Quang Thiều?  ? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” thuộc thể loại gì?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  **GV:**  - Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  - Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** - Đọc văn bản, theo dõi, quan sát bạn đọc.  - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang mục sau. | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả Nguyễn Quang Thiều (1957)**  Tác phẩm của ông chân thực, gần gũi với đời thường, thể hiện tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Cách đọc  - Tóm tắt  b) Tìm hiểu chung  - Đề tài: viết về trẻ em  - Xuất xứ: in trong tập “*Mùa hoa cải bên sông*”.  - Thể loại: truyện  - Nhân vật chính: Mên và Mon  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Bố cục: 3 phần  + P1: Từ đầu … “bắt đầu mùa sinh nở của chúng”  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 1  + P2: tiếp theo… “Vâng! Cứ lấy đò của ông Hảo mà đi”.  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 2  + P3: còn lại  🡪 Cảnh bầy chim chìa vôi bay lên vào buổi bình minh. |

***NV 4: KHÁM PHÁ VĂN BẢN***

***a. Mục tiêu:***

- Nhận diện được những nét đặc sắc về chi tiết, tính cách, ngôn ngữ, cảm xúc… nhân vật

- Nhận diện được cách xây dựng nhân vật độc đáo của tác giả.

- Biết yêu qúy tuổi thơ và trân trọng giá trị cuộc sống.

***b. Nội dung:*** HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | |
| **1. Cuộc trò chuyện thứ nhất của Mên và Mon** | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập 1  - Thời gian: 7 phút  \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của Mon lên màn hình.  *- Anh bảo mưa có to không?*  *- Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?*  *- Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?*  *- Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.*  *- Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?*  *- Bố bảo chỉ có sông ở làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả* *anh?*  1. Qua lời của Mon, những hình ảnh nào được nhắc đến? Nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để diễn tả lời thoại của Mon?  2. Qua đó, em hãy cho biết về nội dung của cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon.  3. Quan sát lời thoại của Mên và Mon, tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của hai anh em.  4. Qua cuộc trò chuyện ấy, em thấy tâm trạng của Mên và Mon như thế nào?  5. Vì sao hai anh em Mên và Mon có tâm trạng như vậy?  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  **HS:**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **GV:** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”.  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***Bước 4:*** ***Kết luận, nhận định***  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  | | --- | --- | | **Cuộc trò chuyện thứ nhất của Mên và Mon** | | |  | **Chi tiết** | | **Thời gian** | - Khoảng hai giờ sáng | | **Hoàn cảnh** | - Mưa vẫn to  - Tiếng nước sông dâng cao xiên xiết chảy | | **Nội dung cuộc nói chuyện** | - Mưa  - Nước sông lên to  - Bãi cát giữa sông  - Chim chìa vôi | | **Tâm trạng của Mên và Mon** | Mon: Em sợ  Mên: Tao cũng sợ | | **Nhận xét** | - **Nghệ thuật**: sử dụng ngôn ngữ bình dị, chân thật, gẫn gũi với đời thường.  - **Nội dung**: xoay quanh việc Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập do trời mưa to.  🡪 Mên và Mon là hai cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật. | |
| **2. Cuộc trò chuyện thứ hai của Mên và Mon** | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:Ở phần 2, Mon nói với Mên về chuyện gì?  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập 2 và giao nhiệm vụ cho các nhóm  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn: HS khó đưa ra nhận xét về nhân vật Mon.  - Tháo gỡ khó khănbằng cách đặt câu hỏi phụ (Nếu ở phần 1, Mon chủ yếu là hỏi thì ở phần 2 Mon chủ yếu nói về nội dung gì? Qua nội dung đó em sẽ nhận xét được về nhân vật Mon).  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | |  |  | | --- | --- | | **Giải cứu bầy chim chìa vôi** | | | Lời của Mon | Lời của Mên | | - Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?  - Tổ chim sẽ bị chìm mất.  - Hay mình mang chúng nó vào bờ.  …  - Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.  - Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi. | - Chưa.  - Thế làm thế nào bây giờ?  - Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.  - Đi bây giờ à? | | 🡪 *Nghệ thuật*: sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  🡪 *Nội dung*: Thể hiện quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ. | | | **Giải cứu cá bống** | | | - Mon trộm con cá bống của bố đem thả ra sông. | | | 🡪 Mon là cậu bé có trái tim nhân hậu. | | |
| **3. Cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh** | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV đặt câu hỏi: Tìm các chi tiết diễn tả: thời gian, khung cảnh bãi sông, cảnh cất cánh của bầy chim chìa vôi và tâm trạng của 2 đứa bé?  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm.  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  **HS** đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  ***Bước 3:*** ***Báo cáo, thảo luận***  **GV** yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | - Thời gian: vào buổi sáng bình minh.  - Khung cảnh bãi sông: Dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát.  - Cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi:  + Một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra.  + Những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ...  + Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng…  - Tâm trạng của Mon và Mên khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh:  + Đứng không nhúc nhích  + Trên gương mặt tái nhợt của chúng hửng lên ánh ngày.  + Cả hai đã khóc tự lúc nào.  + Chúng cùng nhìn nhau và bật cười.  🡪 Nghệ thuật: miêu tả tâm lí nhân vật.  🡪 Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh thì Mên và Mon sung sướng, hạnh phúc. |

***NV 5: TỔNG KẾT***

***a. Mục tiêu:***

- Khái quát nội dung, nghệ thuật bài thơ

- Xác định được kỹ năng đọc hiểu tác phẩm truyện

***b. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1:* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  ? Nội dung chính của văn bản “Bầy chim chìa vôi” là gì? Nội dung đó có mối quan hệ như thế nào với chủ đề của bài 1?  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong truyện?  ? Sau khi học xong văn bản “Bầy chim chìa vôi”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?  ***Bước 2:*** ***Thực hiện nhiệm vụ học tập***  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Nội dung**  Ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ và những cảm nhận kì diệu của tuổi thơ  **2. Thể loại:** Truyện  **3. Nghệ thuật**  - Đề tài gần gũi với cuộc sống của trẻ thơ ở chốn quê thanh bình.  - Sử dụng ngôi kể thứ ba (người kể giấu mình, không xưng “tôi”).  - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên.  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

***b. Nội dung:*** HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **1. Luyện tập đọc hiểu**  ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Khi đọc một VB truyện, em cần chú ý những yếu tố nào?*  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  Khoảng 3, 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn.  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm, nhấn mạnh cho HS một số kĩ năng đọc hiểu.  **2. Viết kết nối với đọc**  ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn (khoảng 5* – *7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).*  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; chú ý thay đổi lời kể theo ngôi thứ nhất, lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.  ***Bước 3:* *Báo cáo, thảo luận***  Một sốHS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau:  - Nội dung: Kể đúng nội dung sự việc, đảm bảo đầy đủ, chính xác của các chi tiết  - Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất  - Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt  - Dung lượng: khoảng 5- 7 câu  ***Bước 4:* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS. | - Câu trả lời:  + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng.  + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động…) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện.  - Đoạn văn của HS bảo đảm đúng yêu cầu. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Vẽ tranh, tự chọn đọc một VB truyện có chủ đề về thế giới tuổi thơ.

***c. Sản phẩm:*** Nhật kí đọc sách.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:**  GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà:  *- Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong văn bản “Bầy chim chìa vôi” mà em ấn tượng nhất.*  *- Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về thế giới tuổi thơ và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp.*  ***Bước 2:* *Thực hiện nhiệm vụ học tập*:**  HS tự tìm đọc một truyện ngắn theo yêu cầu, nhận biết đề tài, chi tiết, ấn tượng chung về nhân vật và ghi lại kết quả đọc vào nhật kí đọc sách; chuẩn bị trao đổi kết quả đọc ở tiết Đọc mở rộng. | - Tranh vẽ của HS.  - Nhật kí đọc sách, chuẩn bị cho phần trao đổi ở tiết Đọc mở rộng. |

**Tiết 4 + 5:**

**ĐỌC**

**VĂN BẢN 2:ĐI LẤY MẬT(Trích *“Đất rừng Phương Nam”)***

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, suy nghĩ, chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)  - GV tiến hành cho HS nghe ca khúc *Bài ca đất phương Nam* (<https://nhac.vn/bai-hat/bai-ca-dat-phuong-nam-phi-nhung-so4lW4>), và một đoạn trong phim *Đất phương Nam.*  - GV khích lệ HS:  *1. Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc từ giai điệu bài nhạc và những hình ảnh trong phim.*  *2. Kể thêm về những miền đất em đã từng đến thăm (ấn tượng về cảnh sắc thiên nhiên, con người và cuộc sống ở nơi đó).*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  - GV dẫn vào bài:*Nếu như ở truyện ngắn “Bầy chim chìa vôi”, chúng ta được trải nghiệm vẻ đẹp kì diệu, sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên cùng tình cảm đầy yêu thương, nhân hậu của hai anh em Mên và Mon thì bài học hôm nay thầy trò chúng ta sẽ về thăm vùng đất phương Nam qua tác phẩm “Đất rừng phương Nam”, một tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm sẽ dẫn chúng ta thăm một vùng đất vô cùng giàu có, hùng vĩ với những rừng tràm bạt ngàn, dòng sông mênh mông, sóng nước rì rầm…nơi đó có những con người bình dị, hào phóng, trung hậu, trí dũng. Trong đó, đoạn trích “Đi lấy mật” còn mang đến cho chúng ta một trải nghiệm thú vị về cách lấy mật ong rất đặc biệt ở vùng đất này.* | - Tạo được không khí học tập  - Chia sẻ cảm nhận về vùng đất phương Nam |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**NV 1: ĐỌC VĂN BẢN – TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Đi lấy mật* ”.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, quan sát, trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả Đoàn Giỏi**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Qua việc tìm hiểu trước về bài học, hãy nêu ngắn gọn những hiểu biết của em về tác giả Đoàn Giỏi (tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp).  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tác giả Đoàn Giỏi (1925-1989)**  Đoàn Giỏi – Wikipedia tiếng Việt  Thường viết về miền đất phương Nam trù phú, thuần hậu, can đảm. |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung về đoạn trích “*Đi lấy mật*”**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS nêu vị trí của đoạn trích:  - GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; sử sụng các chiến lược đọc như hình dung, theo dõi, tóm tắt, so sánh; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  - GV phân công đọc phân vai:  + 01 HS đọc lời của người kể chuyện  + 01 HS đọc lời của nhân vật An  + 01 HS đọc lời của nhân vật Cò  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  *1. Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về phim Đất rừng phương Nam (tóm tắt cốt truyện, nhân vật, ấn tượng của bản thân).*  *2. Xác định thể loại, phương thức biểu đạt, nhân vật, ngôi kể, các sự việc chính đoạn trích.*  *3. Chỉ ra mối quan hệ của bốn nhân vật trong đoạn trích (cho biết nơi sinh sống của các nhân vật: chú ý những từ ngữ chỉ không gian sống.*  *4. Văn bản có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính từng phần?*  *5. Xác định đề tài của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá văn bản. | **2. Tác phẩm**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Xuất xứ: trích chương 9 của tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam.*  - Đọc  - Chú thích từ khó (*chàm, gùi, chà gạc, ăn ong, cơm vắt, trảng, gầm ghì*,…)  **b. Hình thức văn bản**  **\*Thể loại:** Tiểu thuyết  **\* Phương thức biểu đạt:** tự sự, miêu tả, biểu cảm  **\*Nhân vật:** tía nuôi, má nuôi, An và Cò (họ sinh sống ở vùng rừng tràm U Minh).  **\*Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất  **\*Tóm tắt:**  *Đoạn trích kể về một lần An với tía nuôi và Cò cùng nhau đi vào rừng lấy mật ong. Trong quá trình lấy mật, An học hỏi được nhiều điều, đặc biệt là không gian đất rừng phương Nam đẹp bí ẩn và cách thức lấy mật độc đáo của người dân vùng U Minh.*  **\*Bố cục:** 3 phần  - P1. Từ đầu đến “*một lớp thủy tinh*”: Khung cảnh thiên nhiên sáng sớm qua cái nhìn của nhân vật An.  - P2. Tiếp theo đến “…*cây tràm thấp kia*”: Hành trình đi lấy mật của An với tía nuôi và Cò.  - P3. Còn lại: Cách “*thuần hoá*” ong rừng của người dân U Minh.  **c. Đề tài:**  Thiên nhiên, con người phương Nam (đi lấy mật trong rừng U Minh). |

**NV 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu**

Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả thiên nhiên và con người phương Nam (đặc điểm tính cách nhân vật thể hiện nhân vật qua các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và qua nhận xét của người kể chuyện).

**b. Nội dung**

HS theo dõi SGK, hoàn thiện PHT

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | | **Nhiệm vụ** | **Nhân vật tía nuôi An** | **Nhân vật An** | **Nhân vật Cò** | | *1.Tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác.* | ............................... | ..................... | .......................... | | *2.Nghệ thuật xây dựng nhân vật* | .................................. | ....................... | ............................. | | *3.Tính cách nhân vật* | ................................ | ...................... | ........................... | | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu vẻ đẹp con người nơi đất rừng phương Nam**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Các nhóm hoàn thành GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 1**:  **- NV1:**  *1. Tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác.*  *2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật.*  *3. Tính cách nhân vật.*  **+ Nhóm 1:** Nhân vật tía nuôi.  **+ Nhóm 2:** Nhân vật An.  **+ Nhóm 3:** Nhân vật Cò.  **- Thời gian làm việc nhóm:** 05 phút.  - GVgợi ý:  + **Nhóm 1:** *Nêu cảm nhận về nhân vật tía nuôi của An. Cảm nhận dựa trên những chi tiết tiêu biểu nào?*  + **Nhóm 2:** *Tìm chi tiết miêu tả của nhà văn về An như: ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc,…từ đó khái quát lên tính cách .*  *?An cảm nhận như thế nào về tía nuôi, má nuôi, về Cò?*  + **Nhóm 3:** *Nhân vật Cò hiện lên qua những chi tiết nào? (Cò đi rừng như thế nào? Bỡ ngỡ, chậm chạp hay thành thạo, nhanh nhẹn?*) *Thái độ của Cò đối với An như thế nào? Cò có hiểu biết gì về sân chim, về rừng U Minh?*  *? Thiên nhiên rừng U Minh hiện lên như thế nào qua cái nhìn của An?*  *?An đã có suy nghĩ gì khi nghe má nuôi kể về cách “ăn ong” của người dân U Minh* (đọc lại đoạn cuối).  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.** (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu thảo luận nhóm)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Vẻ đẹp con người phương Nam**  **a. Mối quan hệ giữa các nhân vật trong đoạn trích**  - Tía nuôi, má nuôi của An  - An  - Cò  - An là con nuôi trong gia đình Cò.  **b. Các chi tiết miêu tả**  **- Nhân vật tía nuôi:**  + Ngoại hình: vóc dáng khoẻ mạnh vững chãi; cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát, toát lên vẻ đẹp của một người lao động từng trải, can đảm.  + Lời nói, cách cư xử: nghe An thở phía sau ông đã biết cậu bé mệt và cần nghỉ chân, chú tâm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng, thể hiện sự quan tâm, yêu thương dành cho cậu con nuôi.  + Với thiên nhiên: biết gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và biết bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống.  🡪 Tía nuôi của An là một người lao động dày dạn kinh nghiệm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.  - **Nhân vật Cò**:  + Hình dáng, cử chỉ, hành động: *đội cái thúng to tướng; coi bộ chưa thấm tháp gì, cặp chân như bộ giò nai, lội suối suốt ngày trong rừng chả mùi gì.*  *+*Lời nói: *Đố mày biết con ong mật là con nào?; Thứ chim cỏ này mà đẹp gì! ; không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết…*  🡪 Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam: đi rừng rất nhanh nhẹn, thành thạo; có nhiều hiểu biết về sân chim, về rừng U Minh.  - **Nhân vật An**: (vì chiến tranh, bị lạc gia đình nên được gia đình Cò nhận làm con nuôi)  + Cảm nhận về tía nuôi, má nuôi: cảm nhận được tình thương của tía và má dành cho mình: *Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…; Má nuôi tôi đã vò đầu tôi, cười rất hiền lành…*  🡪 Rất yêu quý họ, luôn nghĩ về họ với tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp.  + Với Cò: có chút “ganh tị” nhưng chỉ thoáng qua.  🡪 Luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ sự nhanh nhẹn và hiểu biết nhiều về rừng U Minh.  + Cảm nhận về thiên nhiên rừng U Minh  🡪 Vẻ đẹp phong phú, bí ẩn, đầy chất thơ.  + Suy nghĩ về cách “ăn ong” của người dân vùng U Minh: liên tưởng, so sánh với các vùng đất khác ( người La mã, Mễ Tây Cơ, Ai Cập, Phi Châu, Tây Âu): “*không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả”.* 🡪Cách ăn ong rất độc đáo.  🡪 An là một cậu bé có tâm hồn trong sáng, yêu thương tía má nuôi và Cò; thông minh, ham hiểu biết; phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên một cách tinh tế.  **c. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**  - Sử dụng ngôi kể phù hợp giúp câu chuyện trở nên sinh động hơn, chân thực hơn.  - Tình huống truyện nhẹ nhàng, xen lẫn hồi ức.  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, miêu tả tinh tế. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ văn bản, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  *1. Cảnh sắc thiên nhiên được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai?*  *2. Tìm những chi tiết miêu tả không gian, cảnh vật thiên nhiên rừng U Minh?*  *3. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh.*  *4. Nhận xét về khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật An.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh**  Cảnh sắc rừng U Minh hiện lên qua cái nhìn của nhân vật An:  - Buổi ban mai: yên tĩnh, trong vắt, mát lành.  - Nắng và gió: Gió thổi rao rao, tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng,…  - Các loài vật: Chim hót líu lo và hàng ngàn con chim vụt bay lên; những loài côn trùng bé nhỏ, kì lạ; thế giới đầy bí ẩn của loài ong,…  - Cây cối: Rừng chàm xanh mát, những nhánh gai chắn ngang đường, những bụi cây cúc áo,…  🡪Vẻ đẹp phong phú, đầy chất thơ của rừng U Minh.  🡪An có khả năng quan sát tinh tế; tâm hồn trong sáng; biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. |
| **Thao tác 3: Ấn tượng về con người và rừng phương Nam**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trong đoạn trích, em có ấn tượng như thế nào về con người và rừng phương Nam?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm đôi, nghe câu hỏi, trao đổi và nhận xét.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Ấn tượng về con người và rừng phương Nam**  - Con người phương Nam: vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng,…  - Rừng phương Nam: kì thú, đầy chất thơ, giàu có, hoang sơ,… |

**NV3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 03 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật của văn bản.  ? Em hãy xác định thể loại và chủ đề của văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.  - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học | **1. Nội dung**  - Tuổi thơ bên thiên nhiên rừng U Minh phong phú, hoang sơ.  - Tuổi thơ cùng những con người phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng...  **2. Thể loại:** tiểu thuyết (nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết,...)  **3. Nghệ thuật**  - Ngôi kể thứ nhất xưng “tôi” giúp cho lời kể tự nhiên, chân thực.  - Sử dụng mọi giác quan để cảm nhận vẻ đẹp của vùng sông nước Cà Mau.  - Vận dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật như liệt kê, so sánh… |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về từ láy đã học để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, quan sát, trả lời câu hỏi trong PHT

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhiệm vụ** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | | 1. Điền các từ thích hợp vào ô trống trong đoạn văn. | *“Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh.Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái …(1) của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ấm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút...(2) trên những đầu hoa tràm …(3), khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh.”* | *“Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm…(1). Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, …(2) khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh. Con Luốc động đậy cánh mũi,…(3) mò tới.”* | *“Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi…(1), một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ…(2) rất đẹp mắt…Những con chim nhỏ bay vù vù kêu…(3) lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.”* | | (*óng ánh, lành lạnh, rung rung*) | (*phảng phất, rón rén, ngây ngất*) | (*li ti, lao xao, líu ríu*) | | 2. Những từ vừa điền thuộc loại từ nào? Nêu tác dụng. | ………………….. | ………………….. | ………………….. | | |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV tổ chức cho HS chia nhóm và thực hiện câu hỏi thảo luận theo phiếu học tập số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhanh các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày.  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **\*Câu 1:**  **- Nhóm 1:** *1. lành lạnh; 2. óng ánh; 3. rung rung.*  **- Nhóm 2:** *1. ngây ngất; 2. phảng phất; 3. rón rén.*  **- Nhóm 3:** *1. lao xao; 2. li ti; 3. líu ríu.*  **\*Câu 2:**  - Loại từ: từ láy;  - Tác dụng:  +Giúp nổi bật đối tượng được miêu tả.  + Làm cho câu văn gợi hình gợi cảm, sinh động, hấp dẫn… |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong văn bản với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, viết đoạn

**c. Sản phẩm:** Bài viết đoạn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: **Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “*Đi lấy mật*”.**  **\* Gợi ý:**  **- Hình thức:** Viết đoạn văn dung lượng khoảng 5-7 câu.  **- Nội dung:** cảm nhận về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “*Đi lấy mật*”.  - Bước 1: HS có thể chọn chi tiết:  + *Chi tiết miêu tả thiên nhiên rừng U Minh : không khí trong rừng, một loại cây, loài vật,…)*  *+ Chi tiết khắc hoạ tính cách nhân vật : ngoại hình, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ,…*  - Bước 2: Trình bày cảm nhận về chi tiết.  - Bước 3: Chỉnh sửa và hoàn thiện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo: | **Đoạn văn tham khảo:**  Đọc văn bản “*Đi lấy mật*” trích trong tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*” của nhà văn Đoàn Giỏi, em thấy chi tiết miêu tả dáng vẻ bề ngoài của An là chi tiết thú vị nhất. Chi tiết ấy được chính An kể lại: “*Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua*”, trong khi thằng Cò, là con đẻ của má lại phải “*đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm…*.”. Chi tiết này cho thấy An được gia đình Cò rất yêu thương và An cảm nhận được tình yêu thương vô bờ ấy. Má đã nuôi ra tận ngoài xóm bìa rừng mượn cái gùi nhỏ để An có món đồ mang đi rừng vừa với sức mình. Cả tía nuôi, má nuôi và Cò đã dành cho An sự “ưu tiên” vì biết An chưa quen với cuộc sống lao động vất vả và việc đi rừng không hề dễ dàng. Chi tiết ấy cũng thể hiện được cảm giác ấm áp, xúc động và lòng biết ơn của An khi nghĩ về má nuôi. Đọc chi tiết này, em thực sự trân trọng tấm lòng nhân hậu của con người nơi đất rừng phương Nam. |
| **Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  | | **2** | Đoạn văn đúng chủ đề. |  |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |   - GV nhận xét và cho điểm HS. | |

**Tiết 6:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**\*Mục tiêu:** Học sinh đặt câu có trạng ngữ là một cụm từ để miêu tả hoạt động ở một hình ảnh có sẵn

- Đặt câu có trạng ngữ dựa vào hình.

- Một số câu mà học sinh đặt có trạng ngữ liên quan đến hình ảnh giáo vien cho.

**\*Tổ chức hoạt động**

- GV chiếu một số hình ảnh, yêu cầu HS đặt câu có sử dụng trạng ngữ..



Hình 1: *Ngoài vườn*, hoa đua nhau nở rộ. (TN chỉ địa điểm)

Hình 2: *Bằng sự ân cần*, bà chăm lo cho cháu. (TN chỉ cách thức)

Hình 3: *Vì rét*, cây bàng rụng lá*.* (TN chỉ nguyên nhân)

+ HS đặt được câu có sử dụng trạng ngữ.

+ Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS.

Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: Kiến thức về Trạng ngữ các con đã được học từ lớp dưới và chúng ta đều biết đó là thành phần phụ của câu, được thêm vào câu nhằm bổ sung ý nghĩa cho thành phần chính của câu.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**1. Tìm hiểu và củng cố kiến thức đã học**

**\*Mục tiêu**: Học sinh nhận biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

- Nhận diện trạng ngữ của câu

-Nhận diện trạng ngữ của câu (Trạng ngữ có thể là từ hoặc cụm từ)

\*. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo GV – HS** | **Sản phẩm học tập** |
| - GV cho HS nhận diện trạng ngữ của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. Ví dụ:  (1)*Đêm, trời mưa như trút nước.*   1. *Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.*   - HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức, kĩ năng đã học.  - HS xác định các thành phần câu và trả lời câu hỏi về vị trí, chức năng của trạng ngữ trong các ngữ liệu đã cho.  (Trạng ngữ trong câu (1) là một từ, trạng ngữ trong câu (2) là cụm từ. Trạng ngữ trong câu (2) được mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1). Nhờ được mở rộng, trạng ngữ trong câu (2) cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc *trời mưa như trút nước.)*  - HS trình bày những băn khoăn của mình (nếu có).  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS.  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: Trạng ngữ thường có vị trí khá linh hoạt trong câu và nhờ có trạng ngữ, câu được bổ sung thêm về nội dung, giúp liên kết giữa các câu trong đoạn chặt chẽ hơn. | I**. Tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ**  Trạng ngữ thường có vị trí khá linh hoạt trong câu và nhờ có trạng ngữ, câu được bổ sung thêm về nội dung, giúp liên kết giữa các câu trong đoạn chặt chẽ hơn. |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

**\*. Mục tiêu**: Học sinh ôn tập lại các kiến thức đã học và vận dụng để hoàn thành bài tập

**-**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**\* Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo GV - HS** | **Sản phẩm học tập** |
| - GV phát phiếu học tập bài tập 1  - Thảo luận, 2 bàn /nhóm ( một câu)  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập 2,3 SGK/114  - GV gọi 2 học sinh lên bảng thực hiện bài tập 2,3  - GV gọi 2 học sinh lên bảng thực hiện bài tập  - HS trao đổi nhóm bài tập 1  - Thống nhất kết quả, viết ra phiếu học tập  - HS nêu yêu cầu bài tập 2,3  - Thực hiện cá nhân bài tập 2,3  - Đại diện một số nhóm lên bảng, trình bày trước  - Các nhóm đặt câu hỏi  - Nhóm thuyết trình phản hồi  - HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Khi muốn xác định tác dụng của từ láy, chúng ta nên dựa vào nội dung của câu để phán đoán được một cách chính xác tác dụng của từ láy. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 17 – 18**  **a1**. Hôm qua. => ***TN chỉ nơi thời gian***  **a.2** Suốt từ chiều hôm qua ***TN chỉ thời gian***  🡪*Ở ví dụ* ***a.2****, trạng ngữ được mở rộng hơn so với ví dụ ở* ***a.1:***không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ *thôm qua*  mà còn cho thấy thời gian dài *(suốt chiều hôm qua).*  **b.1** Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. =>***TN chỉ nơi chốn***  **b.2** Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.  ***=>TN chỉ nơi chốn (không gian lộng lẫy)***  🡪*Ở ví dụ* ***b.2****, trạng ngữ được mở rộng hơn so với ví dụ ở* ***b.1:***không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ *trong gian phòng* mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng *(lớn, tràn ngập ánh sáng).*  **c.1** Thế là qua một đêm, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. =>***TN chỉ nơi chốn***  **c.2** Thế là qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.  (*Thạch Lam – Gió lạnh đầu mùa*)  ***=>TN chỉ nơi chốn***  🡪*Ở ví dụ* ***c.2****, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở* ***c.1****, nhờ vậy mà thời gian, đặc điểm của sự việc trời trở gió… được nêu lên cụ thể hơn.*  **d.1**, Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  ***=>TN chỉ nơi chốn***  **d.2** Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  (*Trần Hoài Dương – Miền xanh thẳm*  ***=>TN chỉ nơi chốn***  🡪*Ở ví dụ* ***d.2****, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở* ***d.1****, nhờ vậy mà không gian – nơi người phụ nữ trẻ đang phơi thóc được hiện lên rất rõ nét và cụ thể:*cho thấy đặc điểm và vị trí của lô côt *(cũ, kề bên một xóm nhỏ).*  **Bài tập 2 SGK trang 18**  - Dùng trạng ngữ bằng 1 từ sau đó mở rộng trạng ngữ bằng một cụm từ (dựa trên từ chỉ trạng ngữ ban đầu).  VD: Chiều, khu vườn rộn rã tiếng chim ca.  🡪 Mở rộng trạng ngữ: Vào buổi chiều mùa hè, khu vườn rộn rã tiếng chim ca.  **Bài tập 3 SGK trang 18**  a. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.  🡪 Từ láy “*xiên xiết*” miêu tả âm thanh của tiếng nước chảy, *Xiên xiết* là mức độ giảm nhẹ của *xiết.* Câu văn nói về cảm giác của Mên và Mon khi nghe tiếng mưa và tiếng nước sông dâng cao trong đêm. Hai đứa trẻ cảm nhận dòng nước xiết đang dâng dẩn lên và ẩn chứa sức mạnh ngầm, trong đó có sự nguy hiểm đang rình rập.  b. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.  🡪 Từ láy “*bé bỏng*” khắc họa hình ảnh những chú chim chìa vôi bé nhỏ, mới được sinh ra nên non nớt, yếu ớt. Hình ảnh những con chim bé bỏng đang bay vào bờ đối lập với dòng nước khổng lổ dâng cao xiên xiết chảy cho thấy vẻ đẹp, bản lĩnh của đàn chim non. Hình ảnh này giúp người đọc cảm nhận được sự kì diệu và sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên.  c. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.  🡪Từ láy *mỏng manh* miêu ta những cánh chim rất mỏng, nhỏ bé; từ *run rẩy* diễn tả sự rung động mạnh, liên tiếp và yếu ớt của đôi cánh. Qua đó, câu văn nhấn mạnh sự nhỏ bé, non nớt của đàn chim non mới nở. Nhưng đàn chim ấy đã thực hiện thành công một hành trình kì diệu: bay lên khỏi dòng nước khổng lồ để hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông. |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

\*. **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

- Sử dụng kiến thức đã học để tạo lập văn bản (Viết đoạn văn miêu tả cảnh bình minh trên biển, trong đoạn có sử dụng trạng ngữ và từ láy. Gạch chân và chú thích rõ.)

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

Suy nghĩ cá nhân, làm bài tập trên vở

- Gọi một số em đọc trước lớp

- Học sinh góp ý, đánh giá bài bạn

- Đánh giá

- Chốt lại kiến thức

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Học bài:

+ Ôn lại: Trạng ngữ và tác dụng việc mở rộng trạng ngữ.

+ Đặt thêm một số câuhoặc viết đoạn văn có sử dụng trạng ngữ

- Soạn bài: *Đi lấy mật*

+ Đọc kĩ văn bản

+ Xác định được thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, chia bố cục

+ Trả lời các câu hỏi trong sgk

**Tiết 7:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**\* Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **- Giáo viên giới thiệu:**  Ở lớp 6, các em đã học bài mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Hãy lấy VD minh họa về các cụm từ đó và phân tích cụ thể.  - HS đặt câu có sử dụng cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ theo yêu cầu.  - HS trình bày sản phẩm.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**- Mục tiêu:** Hiểu và xác định được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. Từ đó tạo lập được câu văn, đoạn văn có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**-Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa.  GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm một bài theo yêu cầu.  **\* Nhóm 1**: Bài 1: Chủ ngữ trong các câu a,b,c là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.  **\* Nhóm 2:** Bài 2: Vị ngữ trong các câu a,b,c là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn**.**  **\* Nhóm 3:** Bài 3: Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ bằng cụm từ có trong đoạn văn.  **\* Nhóm 4**: Bài 4: Các câu trong BT 4 có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ.  - HS làm việc nhóm  - Đại diện HS trả lời  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  **- GV kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới. | **Bài 1:**   1. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình   => Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành Tiếng lá rơi,... Nếu rút gọn thành lá rơi, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ sự phiếm định (một) và thời gian (lúc này).  b. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.  => Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành Phút yên tĩnh. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ mất đi ý nghĩa miêu tả, hạn định (của rừng ban mai)  c. Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cày bồ đề.  => Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành Mấy con gầm ghì. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ đặc điểm của sự vật (sắc lông màu xanh)  **Bài 2:**  a. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.  *=> Có thể rút gọn VN thành chạy trong các bụi cây. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về sự di chuyển và tìm kiếm không ngừng từ chỗ nọ đến chỗ kia với những động tác biểu thị sự vui thích của con Luốc*  b. Rừng cây im lặng quá.  *=> Có thể rút gọn vị ngữ thành im lặng. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về mức độ của trạng thái im lặng (quá).*  c. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau...  => Có thể rút gọn vị ngữ thành lại lợp, bện bằng rơm. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm kiểu dáng của tổ ong (đủ kiểu, hình thù khác nhau).  **Bài 3**  - Nhờ việc sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ, nhà văn Đoàn Giỏi đã miêu tả được vẻ đẹp của buổi trưa trong rừng U Minh, vẻ đẹp của khu rừng được cảm nhận bằng nhiều giác quan: tiếng chim hót líu lo, hương thơm ngây ngất hoa tràm trong nắng, mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cầy và các màu sắc sinh động, luôn biến đổi trên lưng kì nhông.  - Nhờ sử dụng các câu văn với thành phần vị ngữ được mở rộng, đoạn văn trở nên sinh động, giàu chất thơ, giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn.  **Bài 4:**  *a. Gió thổi.*  => *Gió mùa đông bắc đã thổi về lạnh buốt*  *b. Không khí trong lành.*  *=> Không khí buổi sớm rất trong lành.*  *c. Ong bay.*  *=> Ong trong rừng bay rào rào;...*\ |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

**-. Mục tiêu*:*** Vận dụng kiến thức đã học để tạo lập đoạn văn có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**-.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Viết đoạn văn (5 – 7 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có mở rộng thành phần chính bằng cụm từ. Gạch chân và chú thích rõ  - Yêu cầu HS đọc đề  - Để thực hiện yêu cầu của đề, đoạn văn của em cần đảm bảo các yêu cầu gì?  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS lắng nghe nhận xét, bổ sung  **.-GV kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV khích lệ, động viên, nhận xét | - Dung lượng: 5 - 7 câu  - Bố cục: 3 phần (MĐ, TĐ, KĐ)  - Nội dung: chủ đề tự chọn  - Yêu cầu về tiếng Việt: có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  - Gạch chân và chú thích rõ. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

+ Nắm được nội dung bài học

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc đọc văn bản “Ngàn sao làm việc” của Đoàn Giỏi.

**TIẾT 8 + 9**

**Văn bản 3: NGÀN SAO LÀM VIỆC**

**-Võ Quảng –**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**- Mục tiêu:** Huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan đến nội dung bài học và tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS.

**- Tổ chức thực hiện:**

-GV chiếu hình ảnh/ đoạn phim về bầu trời sao (bầu trời đêm) và hỏi: **Em đã từng được quan sát bầu trời cao rộng lúc hoàng hôn hay khi đêm xuống chưa? Hãy chia sẻ cho các bạn những cảm nhận của em về khung cảnh đó.**

-Nhận xét, chốt kiến thức và vào bài mới

***GV vào bài****: Cuộc sống ngày càng phát triển với những tiện nghi hiện đại thì con người dường như càng rời xa thiên nhiên. Chúng ta đôi khi quên mất rằng, con người chúng ta chính là một phần của thiên nhiên tươi đẹp đó. Các em hãy một lần thả hồn và hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên để thêm yêu, thêm trân trọng thế giới tự nhiên xung quanh mình như nhân vật “tôi” của Võ Quảng trong bài thơ “***Ngàn sao làm việc***”.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**- Mục tiêu*:*** Huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan nội dung bài học.

**-Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| -GV yêu cầu HS đọc mục “*Sau khi đọc*” và trình bày những nét chính về tác giả Võ Quảng.  GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  - Khi đọc, chú ý ngữ điệu phù hợp với nội dung văn bản. Giọng đọc rõ ràng, diễn cảm.  Lưu ý trong quá trình đọc sử dụng chủ yếu 2 chiến lược đọc: *hình dung, tưởng tượng*. Chú ý các từ khó được giải thích: *Ngân Hà, Thần Nông, vó, nơm, Sao Hôm, Đại Hùng Tinh*.  **Trao đổi, trình bày:**   * Xuất xứ của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”. * Thể thơ (thể loại), đề tài, bố cục của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”.   - GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  - GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  - Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (*hoặc:* Vẻ đẹp của bầu trời tuổi đêm qua con mắt trẻ thơ) | | **1. Tác giả**:  - Võ Quảng (1920 – 2007) Quê: Quảng Nam   * Một đời cầm bút, Võ Quảng dành trọn tình yêu, tài năng và tâm huyết cho trẻ em. * Thơ viết cho thiếu nhi của ông giản dị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo.   **2. Tác phẩm :**  **a. Đọc – Chú thích**  **b. Xuất xứ**: trích “***Tuyển tập Võ Quảng, tập II***” (NXB Văn học, HN, 1998)  **c. Thể loại:** thể thơ năm chữ tự do  **d. Đề tài**: Tuổi thơ và thiên nhiên  **e. Bố cục:** 2 phần  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Khổ 1, 2: Tâm trạng, cảm nhận chung về thời gian, không gian của nhân vật trữ tình “tôi”.  + Phần 2: Khổ 3, 4, 5, 6: Những ấn tượng, cảm nhận của nhân vật “tôi” về khung cảnh bầu trời đêm. |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN :** | | |
| **-Gv gọi HS đọc khổ thơ 1, 2**  **-GV cho HS hoàn thành phiếu học tập theo các yêu cầu sau:**   * Phát hiện và chỉ ra các chi tiết, từ ngữ để nhận biết thời gian, không gian được miêu tả. * Cho biết nhân vật trữ tình “tôi” được nhắc đến trong bài thơ là ai, đang làm gì và tâm trạng của nhân vật được thể hiện như thế nào. (*Gợi ý câu hỏi gợi mở để HS nhận diện được nhân vật trữ tình “tôi” là ai:* dựa vào các chi tiết, hình ảnh “*Trâu tôi đã ăn no*”, “*Trâu tôi đi đủng đỉnh*”; Nhân vật “tôi” đang làm gì? Công việc nhân vật “tôi” đang làm thường là của người lớn hay trẻ em? Nhân vật “tôi” có tâm trạng như thế nào – vui, thư thái, bình yên, hay buồn bã, lo lắng, vội vàng?)   (*câu hỏi 1, 2 mục* ***Sau khi đọc***)  - GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  - GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  *Nhân vật trữ tình “tôi” là một bạn nhỏ sống ở làng quê. Trong hai khổ thơ đầu, nhân vật “tôi” xuất hiện với tâm trạng vui tươi, hạnh phúc. Bạn dắt trâu về nhà trong khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê: bóng chiều tỏa, trời trở tối, người và trâu đi giữa trời đêm như “bước giữa ngàn sao”.*  **-GV gọi HS đọc 4 khổ thơ cuối**  - Những sự vật nào trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả?  - Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm?  - Chỉ ra những hình ảnh so sánh, liên tưởng được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các ngôi sao dọc ngang, các chòm sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng.  - Tìm và chỉ ra những nét chung của những hình ảnh so sánh, liên tưởng đó.  - Nêu (rút ra) ấn tượng chung (những liên tưởng) về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.  - Qua những liên tưởng thú vị về khung cảnh bầu trời đêm, em có cảm nhận như thế nào về tâm hồn của nhân vật “tôi” trong bài thơ?  - GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  - GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  -GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  - Những sự vật trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả: sông Ngân Hà, sao Thần Nông, những sao dọc ngang, sao Hôm, nhóm Đại Hùng Tinh, hừng đông.  - Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm là: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.  - Nét chung của các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn thơ là: hầu hết các chòm sao đều được so sánh, liên tưởng với những vật dụng lao động của người nông dân (*chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu…*). Vì vậy, hình ảnh bầu trời đêm gợi liên tưởng đến khung cảnh lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui.  - Nhân vật “tôi” có những ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm: khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao tỏa sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải  - Tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hòa với thiên nhiên, với vũ trụ; có sự quan sát tinh tế, sự cảm nhận sâu sắc; có tình yêu và sự gắn bó với quê hương. | **1. Tâm trạng của nhân vật trữ tình “tôi” trong hai khổ thơ đầu**   * Thời gian: *bóng chiều, trở tối mò, ngàn sao.* * Không gian: *bờ bụi rậm, đồng quê đang xanh thẫm, trời yên tĩnh, ngàn sao*   🡺 Cánh đồng quê vào buổi chiều tối yên tĩnh, thanh bình.   * Nhân vật trữ tình “tôi”: * Là một bạn nhỏ sống ở làng quê. * Dắt trâu về giữa khung cảnh làng quê yên bình   🡺 Tâm trạng vui tươi, bình yên, hạnh phúc.  **2. Những ấn tượng về khung cảnh bầu trời đêm qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi” trong 4 khổ thơ cuối.**  - Dải Ngân Hà – dòng sông chảy giữa trời*.*   * Sao Thần Nông – chiếc vó bằng vàng. * Những sao dọc ngang – tôm cua bơi lội * Sao Hôm – đuốc đèn soi cá * Nhóm Đại Hùng tinh – gàu tát nước bên sông.   🡪 Những ngôi sao được ví như những vật dụng, công cụ lao động của người nông dân  🡪 Khung cảnh thiên nhiên với ngàn sao rộng lớn, mênh mông; không khí tươi vui, rộn rã tựa như một ngày lao động hăng say của con người.  🡺 Tâm hồn nhân vật “tôi” rộng mở, giao hòa với thiên nhiên | |
| **III. TỔNG KẾT**  **- Mục tiêu**: HS khái quát được những giá trị nghệ thuật tiêu biểu của văn bản như thể thơ, các biện pháp tu từ; nội dung và những điều rút ra từ văn bản,  **- Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Đọc lướt nhanh nội dung bài học và tổng kết lại:**  - Các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ.  - Nội dung chính của bài thơ “**Ngàn sao làm việc**”.  **-**  GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  - GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ 5 chữ*.*  - Kết hợp các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa), từ ngữ giàu sức gợi hình.  **2. Nội dung :**  - Bài thơ gợi được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của thiên nhiên, vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc.  - Qua đó, khơi gợi tình yêu với thiên nhiên trong mỗi người. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a.Mục tiêu:** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.  **b.Tổ chức thực hiện:**  Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) phân tích nội dung và nghệ thuật một chi tiết gợi tả đặc sắc mà em ấn tượng trong bài thơ “*Ngàn sao làm việc*” của nhà thơ Võ Quảng.  (Có thể lựa chọn các chi tiết về các hình ảnh so sánh, liên tưởng: dải Ngân Hà, sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng, hình ảnh “*hừng đông phe phẩy chiếc quạt hồng*”🡪 HS nêu được: những liên tưởng thú vị; thể hiện trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ đối với thế giới tự nhiên)  GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm.  GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời    **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **- Mục tiêu**: Biết vận dụng kiến thức của bản thân để đọc hiểu các văn bản thơ, chú ý các văn bản trong ***Sgk Ngữ văn 7***; biết phát hiện và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật trong các chi tiết thơ. Biết cách giải quyết các tình huống đọc hiểu, từ đó có năng lực giải quyết tình huống đa dạng  **-Tổ chức thực hiện:**   * Hoàn thành phần ***Luyện viết đoạn văn***.   HS làm việc cá nhân  **- Kết luận, nhận định**  \***Hướng dẫn HS học bài ở nhà:**  + Hoàn thành phần Luyện viết đoạn văn.  + Tìm đọc thêm những bài thơ hoặc tác phẩm văn học với đề tài “Tuổi thơ với thiên nhiên”  + Tìm hiểu và thực hiện các yêu cầu trong phần nội dung “Viết – Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài” (sgk, 27 – 30). | | |

**Tiết 10, 11, 12**

**VIẾT**

**(TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:* Đâu không phải là yêu cầu khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ?**

A. Tóm lược đúng và đủ các sự việc, các phần, các đoạn hoặc ý chính trong văn bản.

B. Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các đoạn chính của văn bản.

C. Đảm bảo yêu cầu về hình thức của văn bản tóm tắt.

D. Sử dụng các từ khoá, cụm từ thể hiện được nội dung chính của văn bản.

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời

***\* Báo cáo kết quả:*** HS trình bày kết quả

- Dự kiến sản phẩm: C

***\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:*** Để trình bày ngắn gọn nội dung chính của một văn bản, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu,… người ta thường sử dụng thao tác tóm tắt văn bản. Ngoài tóm tắt nội dung văn bản bằng sơ đồ học ở lớp 6, chúng ta cũng có thể tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ sản phẩm cần đạt** |
| a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.  b) Nội dung: Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.  c) Sản phẩm: Câu trả lời trên phiếu học tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **I. Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt:** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  **- Đọc VB tóm tắt sau:**  *Sơn và Lan là hai chị em sinh ra trong một gia đình khá giả. Không giống như những đứa trẻ có điều kiện khác, cả hai luôn hòa đồng, gần gũi với các bạn ở xóm nghèo. Vào một ngày trời chuyển lạnh, Sơn và Lan mặc áo ấm ra chợ chơi thấy Hiên - cô bé hàng xóm nhà nghèo - đang co ro bên cột quán với chiếc áo mong manh, rách tả tơi. Thấy vậy, hai chị em bèn bàn nhau và đem tặng Hiên chiếc áo bông cũ của em Duyên ngày trước. Vú già biết chuyện, hai chị em sợ bị mẹ đánh đòn, mãi đến tối mới kéo nhau về nhà. Khi đó, mẹ Hiên đã mang áo đến trả và được mẹ Sơn cho mượn năm hào may áo mới cho con. Khi mẹ con Hiên về, người mẹ nhẹ nhàng, ôm con vào lòng trách yêu.*  **Hoàn thành phiếu học tập số 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | - Văn bản trên tóm tắt truyện ngắn nào?  - Các sự việc trong phần tóm tắt có phản ánh đúng và trung thành với văn bản được tóm tắt không?  - Văn bản tóm tắt đã nêu được những ý đóng vai trò như thế nào trong văn bản gốc?  - Từ ngữ trong văn bản tóm tắt có tính chất gì? | | **Hình thức** | - Văn bản tóm tắt có dung lượng như thế nào so với văn bản gốc?  - Văn bản tóm tắt thường được trình bày dưới dạng bài văn hay đoạn văn? |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.***  ***\* Báo cáo kết quả:***  - HS trình bày  - Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần)  ***- Dự kiến sp:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | - Văn bản được tóm tắt: “Gió lạnh đầu mùa”  - Phản ánh ĐÚNG nội dung của văn bản gốc.  - Trình bày được những Ý CHÍNH và quan trọng không thể lược bỏ của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng, lặp lại nhiều lần trong văn bản gốc. | | **Hình thức** | - Văn bản tóm tắt có độ dài ngắn hơn văn bản gốc.  - Diễn đạt bằng một đoạn văn. |   ***\* Đánh giá, kết luận:*** | - Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  - Trình bày được những ý chính và quan trọng của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.  - Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt. |
| a) Mục tiêu: Biết cách tóm tắt văn bản theo các yêu cầu khác nhau.  b) Nội dung: Tóm tắt văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.  c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | **II. Phân tích bài tóm tắt tham khảo.** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi HS đọc văn bản 1 và 2 - Tóm tắt văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.  - **Phiếu học tập số 2:**  1. Hai văn bản tóm tắt có phản ánh trung thành nội dung của văn bản gốc không?  2. Văn bản tóm tắt có trình bày được các ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc không?  3. Nêu một số từ ngữ quan trọng của văn bản gốc được thể hiện trong văn bản tóm tắt?  4. Nhận xét về độ dài của văn bản tóm tắt 1 và văn bản tóm tắt 2.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** hoạt động cá nhân và nhóm nhỏ  - HS đọc 2 văn bản tóm tắt.  - HS dựa vào các yêu cầu của bài văn tóm tắt để trả lời  ***\* Báo cáo kết quả:***  - HS đọc 2 văn bản tóm tắt.  - HS trao đổi, đại diện nhóm trả lời/ Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  ***- Dự kiến sản phẩm:***  1. Hai văn bản:  - Phản ánh trung thành nội dung chính của văn bản gốc.  - Không đưa vào những nội dung, thông tin vốn không có trong văn bản gốc hay những đánh giá, nhận xét chủ quan về các sự việc trong câu.  2. Văn bản tóm tắt đã ghi lại được các sự việc chính: hai vị thần đến cầu hôn, cuộc chiến giành Mị Nương, kết cục của cuộc giao chiến,…  -> Các sự việc trên được sắp xếp theo trình tự thời gian, đúng với trình tự sự việc trong văn bản gốc: giới thiệu bối cảnh, giới thiệu các nhân vật, kể lại diễn biến câu chuyện từ khởi đầu đến kết thúc.  3. Một số từ ngữ quan trọng của văn bản gốc: *Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh - chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua*  *hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuồn cuộn, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi,…*  4. Văn bản 1 có dung lượng 4 câu, văn bản 2 có dung lượng 12 câu và đã miêu tả sự việc kĩ hơn. Đó là tùy theo yêu cầu nhưng đều ngắn hơn văn bản gốc.  ***\* Đánh giá, kết luận:*** | - Hai văn bản tóm tắt phản ánh trung thành nội dung chính của văn bản gốc.  - Ghi lại được các sự việc chính và sắp xếp theo trình tự thời gian.  - Sử dụng một số từ ngữ quan trọng của văn bản gốc: *Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh - chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua*  *hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuồn cuộn, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi,…*  - Văn bản tóm tắt có độ dài khác nhau tùy theo yêu cầu và ngắn hơn văn bản gốc. |
| a) Mục tiêu: Học sinh nắm được quy trình tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.  b) Nội dung: Các bước tóm tắt.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | **III. Thực hành viết theo các bước:** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV cung cấp đề bài: ***Viết văn bản tóm tắt truyện ngắn “Bầy chim chìa vôi” dài khoảng 8 đến 10 câu.***  **Phiếu học tập số 3: Hoạt động nhóm bàn**  **(7 phút)**  1. Khi tóm tắt văn bản, em cần lưu ý những điểm gì?  2. Muốn tóm tắt được văn bản “Bầy chim chìa vôi”, việc đầu tiên phải làm là gì?  3. Nêu các yêu cầu về nội dung và hình thức của đề bài?  4. Khái quát lại các thao tác trước khi tóm tắt một văn bản?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện trả lời -> Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện.  ***\* Báo cáo kết quả:***  ***- Dự kiến sản phẩm:***  1. Khi viết văn bản tóm tắt, ta cần cần chú ý xác định rõ mục đích viết và đối tượng đọc.  - Mục đích: Trình bày ngắn gọn nội dung chính của văn bản để lưu giữ làm tài liệu hoặc chia sẻ với người đọc.  - Người đọc: thầy cô, bạn bè, những người quan tâm đến văn bản.  2. Cần đọc kĩ văn bản “Bầy chim chìa vôi” -> hiểu đúng, hiểu đủ và tóm tắt được chính xác nội dung văn bản.  3.  \* Đọc kĩ đề, gạch chân những từ ngữ quan trọng: *Viết văn bản tóm tắt, “Bầy chim chìa vôi”, dài khoảng 8 đến 10 câu.*  \* Xác đinh nội dung chính cần tóm tắt:  - Nội dung cốt lõi: *Mên và Mon lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, sợ chúng bị chết đuối khi thấy trời mưa to, nước sông dâng cao. Hai anh em đã đi đò ra bãi cát giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên.*  - Các ý chính của từng phần/ đoạn và quan hệ giữa các phần/ đoạn trong văn bản:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần 1** | **Phần 2** | **Phần 3** | | *Khoảng 2 giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không ngủ được vì sợ những con chìa vôi non ở giữa sông bị chết đuối.* | *Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng bầy chim sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn nên nghĩ cách mang chúng vào bờ.* | *Mên và Mon đi đò ra dải cát giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên bứt khỏi dòng nước khổng lồ.* |   - Các từ ngữ quan trọng (những từ khóa quan trọng được lặp đi lặp lại nhiều lần): *hai anh em Mên và Mon, bầy chim chìa vôi, con đò, bãi cát giữa sông, bứt khỏi dòng nước bay lên,...*  \* Xác định yêu cầu về hình thức: *độ dài 8- 10 câu văn.*  - Căn cứ vào yêu cầu về độ dài của văn bản để xác định ý lớn, ý nhỏ phù hợp.  - Lưu ý:  + Để có văn bản tóm tắt ngắn gọn: lựa chọn các sự việc chính.  + Để có văn bản tóm tắt có dung lượng lớn hơn: mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong văn bản gốc.  4. Các thao tác trước khi tóm tắt văn bản:  - Đọc kĩ văn bản gốc.  - Xác định nội dung chính.  + Nội dung cốt lõi.  + Ý chính của từng phần/ đoạn và mối quan hệ giữa các phần/ đoạn (ghi ra giấy).  + Các từ ngữ quan trọng.  - Xác định yêu cầu về độ dài.  ***\* Đánh giá, kết luận:***  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý và ghi bảng.  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  1. Khi tiến hành viết văn bản tóm tắt, em sẽ chú ý đến những điều nào?  2. Hãy viết văn bản tóm tắt truyện “Bầy chim chìa vôi”.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hành trong 10 phút.***  ***\* Báo cáo kết quả:***  - HS trả lời câu hỏi.  - HS dưới lớp chú ý lắng nghe, nhận xét.  ***- Dự kiến sản phẩm:***  1. - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.  - Dùng lời văn của mình cũng những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết.  - Đảm bảo yêu cầu về độ dài.  2. HS trình bày văn bản tóm tắt của mình.  ***\* Kết luận, đánh giá:***  - GV nhận xét, đọc văn bản tóm tắt (tham khảo)  *Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không thể ngủ được vì sợ những con chim chìa vôi non ở dải cát giữa sông bị chết đuối. Hai anh em lo rằng tổ chim sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn nên đã nghĩ cách mang chúng vào bờ. Và hai anh em quyết định lấy đò bơi ra sông. Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chừng hai cây số con đò mới tạt được vào bờ. Mên và Mon phải vất vả mới đưa được con đò trở về chỗ cũ. Khi ấy trời cũng đã tang tảng sáng. Chúng phải cố gắng căng mắt nhìn xem những con chìa vôi non còn an toàn hay không và cả hai anh em rất xúc động khi chứng kiến cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên. Vậy là bầy chim chìa vôi non đã cùng chim bố và chim mẹ cất cánh thành công.* | **1. Trước khi tóm tắt:**  ***a. Đọc kĩ văn bản gốc:*** để hiểu  đúng nội dung văn bản.  ***b. Xác định nội dung chính cần***  ***tóm tắt.***  - Nội dung cốt lõi.  - Ý chính của từng phần/ đoạn  và mối quan hệ giữa các phần/  đoạn (ghi ra giấy).  - Các từ ngữ quan trọng.  ***c. Xác định yêu cầu về độ dài***  ***của văn bản tóm tắt.***  **2. Viết văn bản tóm tắt:**  - Sắp xếp các ý chính theo một trình tự hợp lí.  - Dùng lời văn của mình cũng những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết.  - Đảm bảo yêu cầu về độ dài. |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - HS đổi vở rà soát, kiểm tra chéo.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** đổi vở, kiểm tra chéo của nhau.  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Dựa vào bảng kiểm. | **3. Chỉnh sửa:** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | | 1 | Nội dung đúng với văn bản gốc. | Lược bỏ các thông tin không có trong văn bản gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt (nếu có). | | 2 | Trình bày được các ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc. | - Nếu thiếu: Bổ sung những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.  - Nếu thừa: Lược bớt các chi tiết không tiêu biểu, không quan trọng. | | 3 | Sử dụng các từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc. | Bổ sung các từ ngữ quan trọng có trong văn bản gốc (nếu thiếu). | | 4 | Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài. | Rút gọn hoặc phát triển văn bản tóm tắt để đảm bảo yêu cầu về độ dài. | | 5 | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu,…). Chỉnh sửa nếu phát hiện ra lỗi. | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung: Tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi” bằng sơ đồ.

c) Sản phẩm: bài tập của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ sản phẩm cần đạt** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  Tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi” theo sơ đồ sau:   |  | | --- | | Bối cảnh  - Ở đâu?  - Khi nào? |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật |  | Nhân vật |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Sự việc 1 |  | Sự việc 2 |  | Sự việc 3 |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS điền các thông tin vào các ô.  ***\* Báo cáo kết quả:***  - HS trình bày kết quả.  ***- Dự kiến sản phẩm:***  **\* Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | |  | | --- | | **Bối cảnh**  - Ở tại ngôi làng ven sông  - Vào đêm khuya khi trời đổ mưa lớn. |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật Mon |  | Nhân vật  Mên |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc trò chuyện của Mên và Mon trong đêm mưa, nỗi lo lắng của hai anh em cho lũ chim chìa vôi non ở bãi cát giữa sông. |  | Hai anh em bàn bạc tìm cách mang lũ chim vào bờ và quyết định lấy đò đi ra bãi cát giữa sông ngay trong đêm mưa. |  | Tâm trạng hồi hộp, xúc động của hai anh em khi chứng kiến lũ chim cất cánh bay khỏi dòng nước lớn vào bờ an toàn khi bình minh lên. | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu:HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống.

b) Nội dung:Tóm tắt một bộ phim/ một câu chuyện.

c) Sản phẩm:Bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ sản phẩm cần đạt** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hãy tóm tắt một bộ phim hay một câu chuyện nào đó.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS chia sẻ.  - HS khác lắng nghe.  ***\* Báo cáo kết quả:***  - Phần tóm tắt của HS.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - GV nhận xét. |  |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Nắm vững kiến thức nội dung tiết học.

- Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị bài học mới: Tiết 13. Nói và nghe: Trao đổi ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm.

**Tiết 13:**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ Sản phẩm cần đạt** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Em thấy mạng xã hội có lợi hay có hại? Trình bày quan điểm của em về vấn đề này.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS phát biểu.  - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến phản biện.  ***\* Báo cáo kết quả:***  - HS bày tỏ quan điểm cá nhân. Có thể:  + Sử dụng xã hội có nhiều lợi ích.  + Sử dụng xã hội có nhiều tác hại.  + Sử dụng mạng xã hội vừa có lợi vừa có hại.  ***\* Đánh giá, kết luận:***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và kết nối với bài học. | - Những lợi ích và tác hại khi sử dụng mạng xã hội:  + Lợi ích: được tự do bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề đời sống, xã hội; có tính giải trí cao với nhiều lĩnh vực giải trí khác nhau được cập nhật liên tục; có nhiều thông tin hữu ích, lí thú.  + Tác hại: ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập, công việc; thiếu sự kết nối với mọi người xung quanh; dễ tiếp nhận những thông tin không lành mạnh, tiêu cực khi chưa được kiểm chứng. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a) Mục tiêu: Xác định được vấn đề, mục đích, đối tượng, đề tài trước khi nói.

b) Nội dung: Những yêu cầu trên.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ Sản phẩm cần đạt** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  **NHÓM 1:** Đề tài trong bài trình bày thường được lấy từ đâu? Lấy một vài ví dụ.  **NHÓM 2:** Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày như thế nào?  **NHÓM 3:** Nêu các ý cơ bản trong bài trình bày **NHÓM 4:** Nêu các yêu cầu cụ thể để có phần trình bày tốt.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ.***  - Học sinh trao đổi, thảo luận theo nhóm bàn.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả của nhóm.  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  ***- Dự kiến sản phẩm:***  **NHÓM 1: -** Đề tài thường là những vấn đề có trong thực tế đời sống, những điều em biết từ sách báo, phương tiện nghe nhìn.  - Ví dụ:  + Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ: tivi, điện thoại, máy tính.  + Trẻ với nguyện vọng được người lớn lắng nghe và thấu hiểu.  + Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội).  + Trẻ em được học tập.  **NHÓM 2:** Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày.  - Nhớ lại những trải nghiệm của em.  - Tìm thêm thông tin liên quan từ các nguồn khác như: trên sách báo, các phương tiện nghe nhìn, các trang Web uy tín, …  **Tác dụng:** gợi ra cho em những ý tưởng về vấn đề đang trao đổi và có thêm những thông tin khi em đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác  **NHÓM 3:**  **-** Giới thiệu vấn đề em quan tâm và mời mọi người lắng nghe để cùng trao đổi.  **-** Trình bày biểu hiện và thực trạng vấn đề.  - Những tác động của vấn đề đó (tiêu cực/ tích cực)  - Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp để khắc phục phát huy/ hoặc ý nghĩa tốt đẹp mà vấn đề đem lại.  **-** Bài học rút ra sau khi bàn luận.  - Đưa ra lời kêu gọi hoặc thông điệp về vấn đề.  **NHÓM 4:** Muốn có bài trình bày tốt:  - Chú ý tập luyện trước nhóm bạn, người thân.  - Cần lắng nghe ý kiến nhận xét, góp ý của các bạn để hoàn thiện bài nói.  **\* Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý:  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV tổ chức cho HS luyện nói theo nhóm đôi/ nhóm bàn.  - GV nêu ra yêu cầu khi nói - nghe  \* **Với người nói:**  **- Lời mở đầu:**  **+** Lời chào, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.  **+** Có thể bắt đầu bằng những hình ảnh, đoạn video ấn tượng/ một câu chuyện/ đặt câu hỏi … để dẫn dắt vào vấn đề.  **- Nội dung:**  + Trình bày các khía cạnh của vấn đề (giải thích, biểu hiện, thực trạng, tác động, nguyên nhân, giải pháp), …  + Sử dụng những lý lẽ, bằng chứng giàu sức thuyết phục.  + Ngôn ngữ, giọng điệu trình bày: to, rõ ràng + Kết hợp ngôn ngữ với cử chỉ.  + Sử dụng từ ngữ để liên kết: **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy,…**  - **Kết thúc:**  **+** Đánh giá khái quát về vấn đề / Đưa ra thông điệp/ Lời khuyên.  + Nói lời cảm, xin ý kiến trao đổi, góp ý.  **\* Với người nghe:**  - Tập trung lắng nghe.  - Ghi chép tóm tắt nội dung.  - Quan sát cách thức, thái độ.  - Ghi lại những điều muốn trao đổi (góp ý, thảo luận thêm làm rõ vấn đề, phản đối quan điểm của bạn,…)  ***\**** GV hướng dẫn HS cách trao đổi bài nói  - Người nghe: Trao đổi với tinh thần xây dựng và tôn trọng.  - Người nói:  + Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị  + Tiếp thu, trân trọng ý kiến trao đổi.  + Giải đáp thắc mắc của người nghe đồng thời bảo vệ ý kiến của mình (nếu đúng) | **1. Trước khi nói:**  **a. Chuẩn bị nội dung bài nói**  - Đề tài: những vấn đề có trong thực tế đời sống, những điều em biết từ sách báo, phương tiện nghe nhìn.  *+ Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ: tivi, điện thoại, máy tính.*  *+ Trẻ với nguyện vọng được người lớn lắng nghe và thấu hiểu.*  *+ Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội).*  *+ Trẻ em được học tập.*  **-** Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày.  + Nhớ lại những trải nghiệm của em.  + Tìm thêm thông tin liên quan từ các nguồn khác như: trên sách báo, các phương tiện nghe nhìn, các trang Web uy tín, …  - Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng cần trình bày: vấn đề trao đổi, một số biểu hiện (thực trạng), ý kiến của em, tác động của vấn đề, bài học rút ra sau khi bàn luận.  **b. Tập luyện:**  **2. Trình bày bài nói:**  a. Nói theo nhóm.  b. Nói trước lớp.  **3. Sau khi nói:** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Trình bày được ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm.

- Biết cách nói và nghe tích cực, hiệu quả khi trình bày và nghe bài

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung / Sản phẩm cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Lập dàn ý cho đề tài:** Trao đổi về hiện tượng trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại điện thoại, máy tính.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS hoạt động nhóm bàn  - Học sinh trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo kết quả:**  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, cho ý kiến nhận xét.  ***- Dự kiến sản phẩm:***  **1. Mở đầu:**  **- Lời chào.**  **- Giới thiệu: +** Hiện tượng trẻ em sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại rất phổ biến.  + Hiện tượng này đã và đang tác động mạnh mẽ tới sức khỏe, tâm lý, học tập, sinh hoạt, thói quen …của trẻ em.  **2. Nội dung:** Trình bày các khía cạnh của vấn đề:  - Tác động tích cực:  + Sớm làm quen với các thiết bị công nghệ - những công cụ học tập, làm việc, giải trí, liên lạc sau này.  + Được tiếp cận nguồn thông tin, kho nội dung giải trí phong phú trên mạng internet để mở mang kiến thức, thư giãn,...  - Tác động tiêu cực.  + Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe thể chất của trẻ: thị lực bị suy giảm, sức khỏe giảm sút, cơ thể suy nhược, ...  + Ảnh hưởng tới tinh thần của trẻ: dễ dàng bị nghiện xem điện thoại, máy tính; khả năng tập trung trong học tập giảm sút, mất hứng thú với các hoạt động thực tế; suy nghĩ lệch lạc khi xem những nội dung xấu, độc từ mạng Internet, dễ bị tổn thương hoặc bị lừa gạt trên các mạng xã hội….  + Ảnh hưởng tới những thói quen: lười vận động, i suy nghĩ, đọc sách,...  + Ảnh hưởng tới cuộc sống và học tập: sống khép mình, thiếu sự quan tâm, gắn kết với gia đình, bạn bè, không tập trung vào việc học tập.  **- Nguyên nhân:**  + Chủ quan: trẻ chưa có nhận thức đầy đủ và thiếu các kỹ năng để sử dụng an toàn, hiệu quả các thiết bị công nghệ.  + Khách quan: sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ là xu thế tất yếu của xã hội; gia đình chưa quan tâm giám sát; nhà nước chưa có các giải pháp quyết liệt, hiệu quả để kiểm soát các nội dung trực tuyến…  **- Giải pháp:**  + Trẻ em cần được dạy cách sử dụng các thiết bị công nghệ hiệu quả, an toàn; phải tuân thủ những nguyên tắc khi dùng các thiết bị công nghệ.  + Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn đến chăm sóc trẻ em; tạo những sân chơi, hoạt động học tập, vui chơi giải trí lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện.  **3. Kết thúc.**  - Đánh giá chung vấn đề/ nêu thông điệp: hãy làm chủ bản thân, ta sẽ làm chủ được các thiết bị công nghệ để nó phục vụ cuộc sống.  - Nói lời cảm ơn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Luyện tập:**  **Lập dàn ý cho đề tài:** Trao đổi về hiện tượng trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại điện thoại, máy tính. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, liên hệ vào thực tế đời sống

b) Nội dung: Các vấn đề ở trường lớp.

c) Sản phẩm: Bài tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung/ Sản phẩm cần đạt** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm những vấn đề cần bàn luận trong học tập. Sau đó trình bày thành bài nói.*  **\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hoạt động nhóm  - HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả  - Dự kiến sản phẩm:  Các vấn đề cần bàn luận trong học tập:  + Học tủ, học vẹt.  + Ham mê điện tử mà sao nhãng học tập.  + Tinh thần tự học.  **\* Đánh giá, kết luận.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - HS tìm ra các vấn đề liên quan đến học tập: Học tủ, học vẹt; ham mê điện tử mà sao nhãng học tập; tinh thần tự học.  - Lập dàn ý bài nói theo yêu cầu. |

\* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thiện bài nói và bài tập vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Chủ đề 2 “Khúc nhạc tâm hồn”

+ Đọc và tìm hiểu phần Tri thức ngữ văn/39.

+ Đọc hiểu văn bản “Đồng dao mùa xuân”, chuẩn bị phần trước khi đọc, sưu tầm tư liệu về chủ đề.